

Số: 12 /QĐ-HDH

Khánh hòa, ngày 08 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2019
của Viện Hải dương học

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN HẢI DƯƠNG HỌC

Căn cứ Quyết định số 307/QĐ-VHL ngày 28/02/2013 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Hải dương học;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 được giao;

Xét đề nghị của Phó Trưởng phòng, phụ trách Phòng QLTH.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2019 của Viện Hải dương học (*biểu đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó Trưởng phòng, phụ trách Phòng QLTH, Tài vụ và các đơn vị trực thuộc liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban KH-TC (Viện HLKHCNVN);
- Trang Web Viện HDH;
- Lưu VT.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Hồ Văn Thê

Đơn vị: VIỆN HẢI DƯƠNG HỌC

Chương: 046

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
(NĂM 2019)**

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện đến năm 2019	Ước thực hiện/Dự toán năm	Ước thực hiện năm nay/ Năm trước
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	17.500,0	15.482,0	88,5	100,6
1	Lệ phí				
2	Phí	17.500,0	15.482,0	88,5	100,6
	Phí Bảo tàng	17.500,0	15.482,0	88,5	100,6
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	16.625,0	18.044,4	108,5	123,4
1	Chi sự nghiệp	16.625,0	18.044,4	108,5	123,4
a	Kinh phí thường xuyên	16.625,0	18.044,4	108,5	123,4
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	875,0	778,3	88,9	101,1
1	Lệ phí				
2	Phí	875,0	778,3	88,9	101,1
	Phí Bảo tàng	875,0	778,3	88,9	101,1
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	19.528,6	21.769,6	111,5	59,9
I	Nguồn kinh phí trong nước	18.428,9	20.762,4	112,7	58,7
1	Chi quản lý hành chính				
2	Nghiên cứu khoa học và công nghệ	13.893,9	16.227,4	116,8	216,6
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	2.500,0	4.856,3	194,3	103,3
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ(KP năm 2018 chuyển qua là: 3.058 triệu đồng)	2.500,0	4.856,3	194,3	103,3
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	10.177,9	10.177,9	100,0	106,2
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.216,0	1.193,2	98,1	7,1
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế	235,0	235,0	100,0	117,5
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	235,0	235,0	100,0	117,5
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.400,0	1.400,0	100,0	155,6
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.400,0	1.400,0	100,0	155,6
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	2.900,0	2.900,0	100,0	87,8

